

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026  
của Thống kê tỉnh Khánh Hòa**

**TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-CTK ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Thống kê tỉnh Khánh Hòa (*chi tiết tại biểu đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu: VT, TCHC.



**Lê Thị Trúc Phương**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 01 ngày 12/01/2026 của Trưởng Thống kê tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí      |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                   | 62.928.000        |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                       | 62.867.000        |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           | 62.867.000        |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                 | 25.242.000        |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ           | 37.625.000        |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 61.000            |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |                   |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 61.000            |
| 4     | Chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác          |                   |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                   |
| 6     | Chi Sự nghiệp kinh tế                            |                   |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                   |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                   |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                   |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                   |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                               |                   |